TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HS-PT
Ngày: 10 – 9 – 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Ông **Trần Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vủ Duy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Quan Tuấn Nghĩa**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 71/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Hải Q, do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Hải Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Huỳnh Hải Q**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Anh T và bà Dương Thị T1; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không. *(Có mặt)*

- *Bị hại có liên quan đến kháng cáo:* ông **Lâm Tuấn A**, sinh năm 1971; địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:* bà **Trương Bích T2**, sinh năm 1978; địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 29 tháng 5 năm 2023, ông Tuấn A đã có hành vi đánh Trương Đăng K sinh năm 2008, là em vợ của bị cáo và ông Tuấn A đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 6 năm 2023, do bực tức nên bị cáo tìm ông Tuấn A để nói chuyện. Khi bị cáo nhìn thấy ông Tuấn A điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 94F1–3424 và chở vợ là bà Trương Bích T2 nên bị cáo Q đi bộ đến giữa hẻm dùng tay phải chặn đầu xe của ông Tuấn A, ông Tuấn A dừng xe lại thì bị cáo và ông Tuấn A xảy ra mâu thuẫn.

Bị cáo đã dùng tay trái đấm ngang từ trái qua phải trúng phần mặt bên phải của ông Tuấn A một cái. Lúc này ông Tuấn A tiếp tục tăng ga để điều khiển xe về phía trước thì bị cáo Q tiếp tục dùng tay trái đấm đánh ngang từ trái qua phải, trúng phần mặt bên phải của ông Tuấn A một lần nữa, dẫn đến ông Tuấn A té ngã từ trên xe mô tô xuống gần đống cát. Sự việc được mọi người can ngăn, hậu quả ông Tuấn A bị thương vùng má phải, bà T2 trong lúc can ngăn bị thương vùng trán.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 146, ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của ông Lâm Tuấn A, tại thời điểm giám định là 14%, như sau:

- Hết sưng bầm má phải, mắt phải: theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ, (cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ trước ra sau).

- Gãy xương gò má phải cung tiếp can tốt, không ảnh hưởng chức năng; tỷ lệ: 08% (cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ trước ra sau).

- Gãy thành trước và thành dưới xoang hàm phải không di lệch; tỷ lệ: 07% (cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ trước ra sau).

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 132, ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của bà Trương Bích T2 tại thời điểm giám định là 00%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Hải Qui phạm t ***"Cố ý gây thương tích".***

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Huỳnh Hải Q 02 (hai) năm tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Huỳnh Hải Q tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho ông Trần Tuấn A1 là 67.212.000 đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Hải Q bồi thường cho bà Trương Bích T2 số tiền 8.279.000 đồng.

4. Buộc bị cáo Huỳnh Hải Q nộp số tiền 3.774.550đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 12 tháng 4 năm 2024 bị cáo kháng cáo với các nội dung như sau:

- Bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ.

- Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Bị cáo yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về phần bồi thường thiệt hại, theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, giảm phần bồi thường đối với ông Tuấn A1 với số tiền 6.678.500đ so với án sơ thẩm.

- Ý kiến bị cáo: phần bồi thường thiệt hại bị cáo chỉ yêu cầu xem xét lại phần bồi thường cho ông Tuấn A1, đối với phần toa vé mà cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền 42.211.939đ, vì số tiền này quá cao, còn các phần bồi thường khác bị cáo đồng ý; các phần kháng cáo khác bị cáo giữ nguyên và không có ý kiến tranh luận.

- Ý kiến bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại 14% là do bị cáo có hành vi dùng tay gây ra nên cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" là phù hợp với quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo về tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ: mặc dù bị hại đã có hành vi đánh em vợ bị cáo và bị hại cũng bị phạt vi phạm hành chính nhưng hành vi này đã diễn ra vào ngày 29 tháng 5 năm 2023, đến ngày 02 tháng 6 năm 2023 bị cáo mới tìm bị hại để hỏi chuyện; việc bị cáo tìm bị hại bằng cách chặn xe bị hại. Từ đó, mà dẫn đến hành vi gây thương tích của bị cáo nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu tình tiết định khung phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Thương tích mà bị cáo gây ra cho bị hại là 14%; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng như tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại số tiền 20.000.000đ. Mặc dù bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nhưng tính côn đồ này xuất phát từ hành vi của bị hại đã đánh em vợ của bị cáo. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về việc giảm nhẹ hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được

áp dụng là trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo về bồi thường thiệt hại:

- Ông Tuấn A1 đã nằm viện 02 lần, gồm: lần 1 tại Bênh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu từ ngày 02 tháng 6 năm 2023 đến ngày 19 tháng 6 năm 2023, lần 2 tại Bệnh viện Đ từ ngày 02 tháng 4 năm 2024 đến ngày 12 tháng 4 năm 2024, tổng cộng 02 lần là 29 ngày.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo chỉ yêu cầu xem xét lại phần toa vé và tiền xe tổng cộng 42.211.939đ, đối với các phần còn lại bị cáo đồng ý theo Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận số tiền bị hại tổng cộng 42.211.939đ là theo toàn bộ mà bị hại đã kê và yêu cầu của bị hại (Bảng kê ngày 15 tháng 02 năm 2024 – bút lục 158 và bảng kê ngày 24 tháng 4 năm 2024 – bút lục 355). Tuy nhiên, qua đối chiếu với bảng kê của bị hại và chứng từ bị hại cung cấp, thì có một số chứng từ không phù hợp và trùng lắp nên được đối trừ như sau:

Bảng kê điều trị chi tiết điều trị ngày 15 tháng 02 năm 2024 (BL158), thể hiện chi phí ông Tuấn A1 khám đái tháo đường 480.000đ, do không liên quan đến hành vi của bị cáo nên được đối trừ lại.

Bảng kê điều trị chi tiết điều trị ngày 24 tháng 4 năm 2024 (BL355), thể hiện chi phí điều trị tại Bệnh viện Đ từ ngày 02 tháng 4 năm 2024 đến ngày 12 tháng 4 năm 2024 và tái khám ngày 19 tháng 4 năm 2024, với tổng số tiền là 22.686.830đ. Trong số tiền này một số khoảng không chấp nhận nên bị trừ lại gồm:

Biên lai ngày 02 tháng 4 năm 2004 với số tiền 100.000đ đã được tính vào trong hóa đơn giá trị gia tăng;

Giường nằm bệnh 11 ngày = 10.528.000đ: đây là phí dịch vụ quá cao so với mặt bằng chung điều trị, trong khi tại Bệnh viên đa khoa tỉnh Bạc Liêu giường dịch vụ giá cao nhất là 350.000đ. Cho nên chỉ chấp nhận bằng số tiền 350.000đ/ngày x 11 ngày = 3.850.000đ, như vậy số tiền bị trừ lại không chấp nhận là: 10.528.000đ – 3.850.000đ = 6.678.000đ.

Tiền xe tái khám ngày 19 tháng 4 năm 2024, bị hại kê 700.000đ nhưng không hóa đơn chứng từ và không có biên nhận nên chỉ chấp nhận số tiền đi về là 200.000đ, như vậy số tiền bị trừ lại không được chấp nhận là 500.000đ.

Tổng số tiền được đối trừ 7.758.000đ (480.000đ + 100.000đ + 6.678.000đ + 500.000đ).

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, trừ lại số tiền bồi thường cho bị hại Tuấn A1 là 72.212.000đ – 7.758.000đ = 64.454.000đ. Trong đó, bị cáo đã bồi thường cho bị hại đã nhận là 5.000.000đ nên số tiền còn lại tiếp tục bồi thường là 64.454.000đ – 5.000.000đ = 59.454.000đ; bị cáo đã tự nguyện nộp 20.000.000đ bồi thường nên ông Tuấn A1 được nhận tại Chi cục Thi hành án thị xã Giá Rai và bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 59.454.000đ – 20.000.000đ = 39.454.000đ.

[5] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị.

[6] Về án phí:

- Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 39.454.000đ x 5% = 1.973.000đ (làm tròn số).

[7] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Hải Q**.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Hải Qui phạm t** "***Cố ý gây thương tích***",

3. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Hải Q 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

4. Căn cứ vào Điều 590 của của Bộ luật Dân sự:

- Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Lâm Tuấn A số tiền 59.454.000đ, trong đó:

+ Ông Lâm Tuấn A nhận 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai(theo biên lai thu tiền số 0001784 ngày 09 tháng 7 năm 2024 và biên lai thu tiền số 0001794 ngày 21 tháng 80 năm 2024).

+ Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Lâm Tuấn A số tiền còn lại là 39.454.000đ.

- Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Trương Bích T2 số tiền 8.279.000đ

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Huỳnh Hải Q nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.973.000đ.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi CQĐT, VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Gửi nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tấn